MASTERI WATERFRONT

MẶT BẰNG TẦNG & CĂN HỘ

FLOOR & UNIT PLANS

MỤC LỤC
TABLE OF CONTENTS

Mặt bằng tiện ích tổng thể 3
Masterplan

Phân khu Miami / Miami Zone
Phân khu Hawaii / Hawaii Zone

Mặt bằng tầng điển hình Tòa M1-H1 6
M1-H1: Typical Floor

Mặt bằng tầng 1 / Ground Floor Plan
Mặt bằng tầng thượng / Top Floor Plan
Mặt bằng 5 căn hộ điển hình / 5 Typical Unit plans

Mặt bằng điển hình tòa M2 11
M2 Typical Floor

Mặt bằng tầng 1 / Ground Floor Plan
Mặt bằng tầng 2/ Level 2: Floor plan
Mặt bằng tầng 20/ Level 20: Floor plan
Mặt bằng tầng 29/ Level 29: Floor plan
Mặt bằng tầng 30/ Level 30: Floor plan
Mặt bằng 5 căn hộ điển hình / 5 Typical Unit plans

Mặt bằng điển hình Tòa H2 19
H2 Typical Floor

Mặt bằng tầng 1 / Ground Floor Plan
Mặt bằng tầng 2 / Level 2: Floor plan
Mặt bằng tầng 20 / Level 20: Floor plan
Mặt bằng tầng 36 / Level 36: Floor plan
Mặt bằng tầng 37 / Level 37: Floor plan
Mặt bằng 5 căn hộ điển hình / 5 Typical Unit plans

Mặt bằng điển hình Tòa M3 – H3 27
M3-H3 Typical Floor

Mặt bằng tầng 1 / Ground Floor Plan
Mặt bằng tầng thượng / Top Floor Plan
Mặt bằng 5 căn hộ điển hình / 5 Typical Unit plans

MẶT BẰNG TIỆN ÍCH TỔNG THỂ MASTER PLAN

Lấy cảm hứng từ trường phái nghệ thuật ấn tượng và 8 danh tác của danh họa Van Gogh, những tiện ích của Masteri Waterfront không chỉ phong phú, hiện đại phục vụ cuộc sống đặc quyền cư dân mà còn được thiết kế đầy sống động hài hòa ánh sáng và màu sắc của cây cối, cảnh quan tạo nên nguồn cảm hướng sống đương đại giàu sức sống và cân bằng.

Inspiring from 8 iconic paintings of Van Gogh and the art style of Impressionism, the system of amenities are modern for the privileged life of residents. They are beautifully landscaped in bold colors, delicate scents and an expressive tranquility.

PHÂN KHU MIAMI MIAMI ZONE

Tiện Ích Ngoài Trời
Outdoor Amenities

1. Khu vực đón khách
   Drop-off area
2. Bãi đỗ xe ngoài trời
   On-ground Parking
3. Đài phun nước
   Water Feature
4. Lounge thư giãn ngoài trời
   Outdoor Lounge
5. Lounge thư giãn bên hồ
   Sunken Lounge
6. Đường chạy bộ
   Jogging Path
7. Hồ cảnh quan
   Reflective Pond
8. Khu vườn điêu khắc
   Sculpture
9. Khối biểu tượng trung tâm
   Feature Sculpture
10. Tường trang trí chủ đề
    Feature Wall
11. Quảng trường sự kiện
    Multi-Use Events Lawn
12. Lầu vọng cảnh
    Pavillion
13. Khu thể thao ngoài trời
    Fitness Court
14. Sân chơi trẻ em
    Kids' play area

Tiện Ích Trong Nhà
Indoor Amenities

18. Phòng tập Gym
    Gym
19. Khu vui chơi trẻ em
    Kid Area
20. Bể bơi trong nhà
    Indoor Swimming Pool
    - Lounge thư giãn dưới nước
      In-water Pool Lounge
    - Bể bơi lớn
      Adult Pool
    - Bể bơi cho trẻ em
      Kid Pool
    - Jacuzzi
      Jacuzzi
    - Vòi phun nước thư giãn
      Feature Water Spouts
    - Khu chơi dưới nước cho trẻ em
      Kids' Wet Play Area
    - Khu thư giãn dưới nước với vòi massage
      Pool Seat W/ Massage Jets
21. Vườn trên không
    Roof Garden
    Khu thư giãn
    Seating Court
    Bàn chơi cờ
    Chess Court
    Sân cỏ vận động
    Tai chi Court/Activity Lawn
    Sân tập yoga ngoài trời
    Outdoor Yoga Court
    Sân chơi cho trẻ em
    Kids' Play Area
22. Business Lounge
    - Thư viện
      Library
    - Phòng họp
      Meeting Room
    - Khu làm việc
      Working Space
    - Phòng cộng đồng
      Multi purpose hall
    - Lounge thư giãn
      Lounge

PHÂN KHU HAWAII HAWAII ZONE

Tiện Ích Ngoài Trời
Outdoor Amenities

1. Khu vực đón khách
   Drop-off area
2. Bãi đỗ xe ngoài trời
   On-ground Parking
3. Đài phun nước
   Water Feature
4. Lounge thư giãn ngoài trời
   Outdoor Lounge
5. Lounge thư giãn bên hồ
   Sunken Lounge
6. Đường chạy bộ
   Jogging Path
7. Hồ cảnh quan
   Reflective Pond
8. Khu vườn điêu khắc
   Sculpture
9. Khối biểu tượng trung tâm
   Feature Sculpture
10. Tường trang trí chủ đề
    Feature Wall
11. Quảng trường sự kiện
    Multi-Use Events Lawn
12. Lầu vọng cảnh
    Pavillion
13. Khu thể thao ngoài trời
    Fitness Court
14. Sân chơi trẻ em
    Kids' play area
15. Sân tập dưỡng sinh
    Tai chi Court
16. Sân chơi cho thú cưng
    Pet Garden
17. Chiếu nghỉ sáng tạo
    Interactive Sitting Court

Tiện Ích Trong Nhà
Indoor Amenities

18. Phòng tập Gym
    Gym
19. Khu vui chơi trẻ em
    Kid Area
20. Bể bơi trong nhà
    Indoor Swimming Pool
    - Lounge thư giãn dưới nước
      In-water Pool Lounge
    - Bể bơi lớn
      Adult Pool
    - Bể bơi cho trẻ em
      Kid Pool
    - Jacuzzi
      Jacuzzi
    - Vòi phun nước thư giãn
      Feature Water Spouts
    - Khu chơi dưới nước cho trẻ em
      Kids' Wet Play Area
    - Ghế thư giãn & Khu thư giãn dưới nước với vòi massage
      Pool Seat W/ Massage Jets
21. Vườn trên không
    Roof Garden
    - Khu thư giãn
      Timber Deck
    - Sân chơi cho trẻ em
      Kids' Play Area
    - Bàn chơi cờ
      Chess Court
    - Sân có vận động/tập dưỡng sinh ngoài trời
      Tai chi Court/Activity Lawn
    - Khu thư giãn
      Seating Court
    - Vườn nướng BBQ
      BBQ Area
    - Khu vườn điêu khắc
      Sculpture
22. Business Lounge
    - Thư viện
      Library
    - Phòng họp
      Meeting Room
    - Khu làm việc
      Working Space
    - Phòng cộng đồng
      Multi purpose hall
    - Lounge thư giãn
      Lounge

B

TOÀ M1 - H1

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH
TYPICAL FLOOR

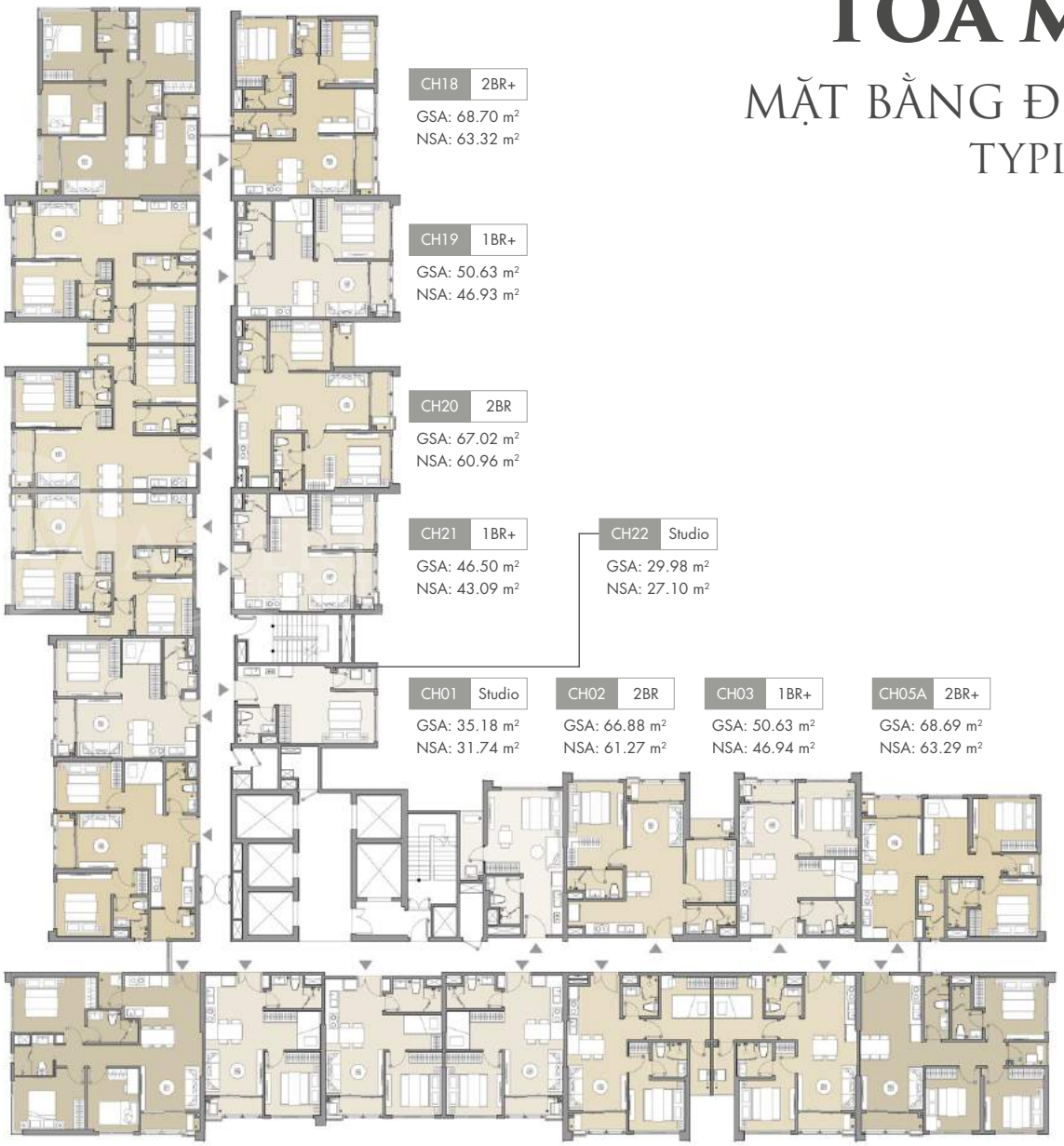

CH18A 3BR
GSA: 79.77 m²
NSA: 74.55 m²

CH16 2BR
GSA: 67.67 m²
NSA: 62.63 m²

CH15 2BR
GSA: 67.68 m²
NSA: 62.68 m²

CH15A 2BR
GSA: 66.04 m²
NSA: 61.51 m²

CH12A 1BR+
GSA: 47.09 m²
NSA: 43.54 m²

CH12 2BR+
GSA: 69.24 m²
NSA: 63.23 m²

CH18 2BR+
GSA: 68.70 m²
NSA: 63.32 m²

CH19 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 46.93 m²

CH20 2BR
GSA: 67.02 m²
NSA: 60.96 m²

CH21 1BR+
GSA: 46.50 m²
NSA: 43.09 m²

CH22 Studio
GSA: 29.98 m²
NSA: 27.10 m²

CH01 Studio
GSA: 35.18 m²
NSA: 31.74 m²

CH02 2BR
GSA: 66.88 m²
NSA: 61.27 m²

CH03 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 46.94 m²

CH05A 2BR+
GSA: 68.69 m²
NSA: 63.29 m²

CH11 3BR
GSA: 80.64 m²
NSA: 74.93 m²

CH10 1BR+
GSA: 45.90 m²
NSA: 42.77 m²

CH09 1BR+
GSA: 45.25 m²
NSA: 42.02 m²

CH08 1BR+
GSA: 46.31 m²
NSA: 42.96 m²

CH08A 2BR
GSA: 59.61 m²
NSA: 54.59 m²

CH06 2BR
GSA: 59.76 m²
NSA: 55.14 m²

CH05 3BR
GSA: 80.06 m²
NSA: 73.89 m²

HAWAII

MIAMI

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

Diện Tích Tim Tường - GSA
Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG TẦNG 1
GROUND FLOOR PLAN

TOÀ M1 - H1

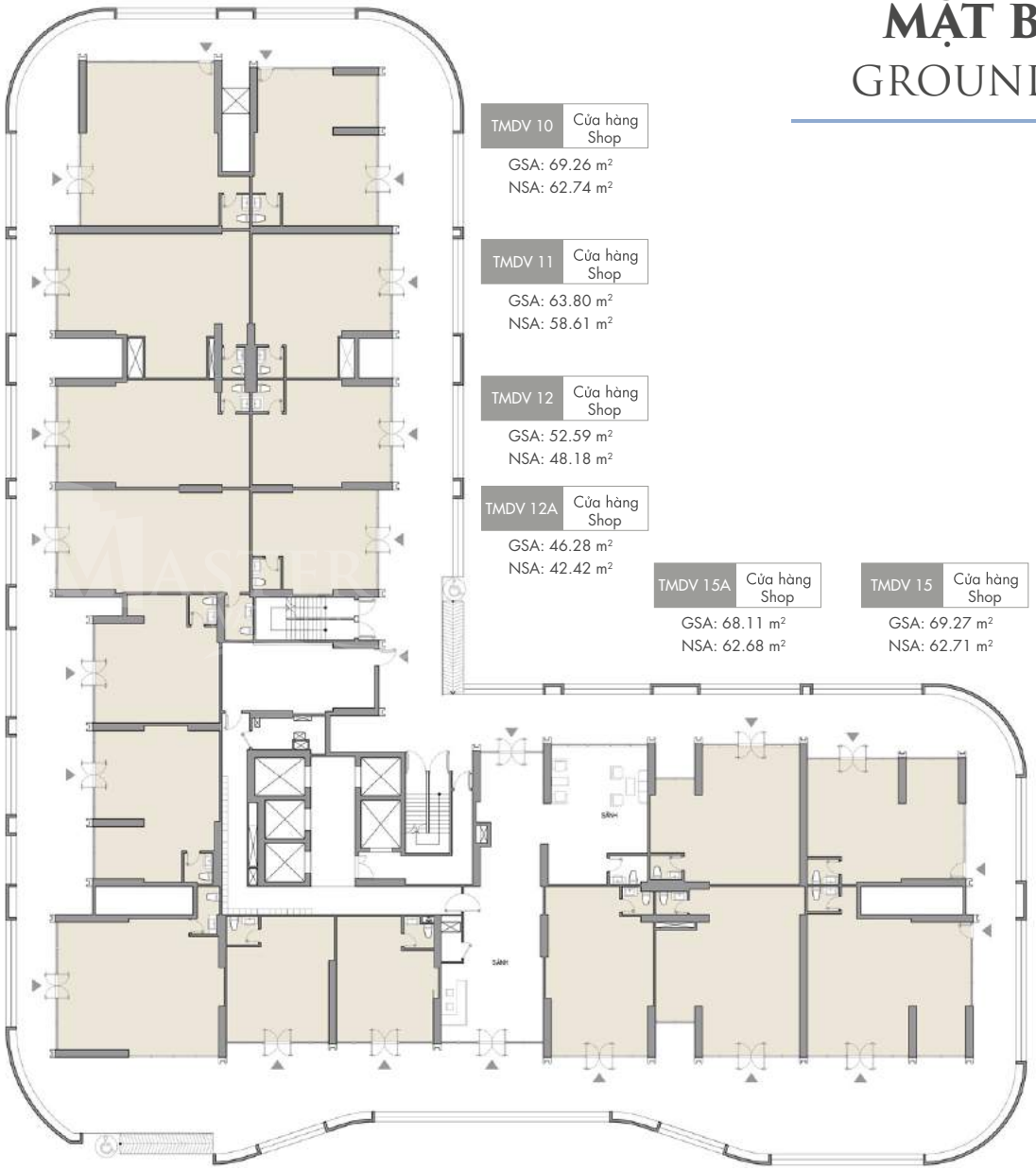

TMDV 09 Cửa hàng Shop
GSA: 85.71 m²
NSA: 79.10 m²

TMDV 08 Cửa hàng Shop
GSA: 85.99 m²
NSA: 77.34 m²

TMDV 08A Cửa hàng Shop
GSA: 72.40 m²
NSA: 66.86 m²

TMDV 06 Cửa hàng Shop
GSA: 74.22 m²
NSA: 70.06 m²

TMDV 05 Cửa hàng Shop
GSA: 53.71 m²
NSA: 50.13 m²

TMDV 05A Cửa hàng Shop
GSA: 69.68 m²
NSA: 61.99 m²

TMDV 03 Cửa hàng Shop
GSA: 82.63 m²
NSA: 75.26 m²

TMDV 10 Cửa hàng Shop
GSA: 69.26 m²
NSA: 62.74 m²

TMDV 11 Cửa hàng Shop
GSA: 63.80 m²
NSA: 58.61 m²

TMDV 12 Cửa hàng Shop
GSA: 52.59 m²
NSA: 48.18 m²

TMDV 12A Cửa hàng Shop
GSA: 46.28 m²
NSA: 42.42 m²

TMDV 15A Cửa hàng Shop
GSA: 68.11 m²
NSA: 62.68 m²

TMDV 15 Cửa hàng Shop
GSA: 69.27 m²
NSA: 62.71 m²

TMDV 02 Cửa hàng Shop
GSA: 47.39 m²
NSA: 43.99 m²

TMDV 01 Cửa hàng Shop
GSA: 45.17 m²
NSA: 41.39 m²

TMDV 18 Cửa hàng Shop
GSA: 63.75 m²
NSA: 58.64 m²

TMDV 18A Cửa hàng Shop
GSA: 81.28 m²
NSA: 73.47 m²

TMDV 16 Cửa hàng Shop
GSA: 85.67 m²
NSA: 78.23 m²

HAWAII

MIAMI

Gross Saleable Area - GSA
Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG
TOP FLOOR PLAN
TOÀ M1 - H1

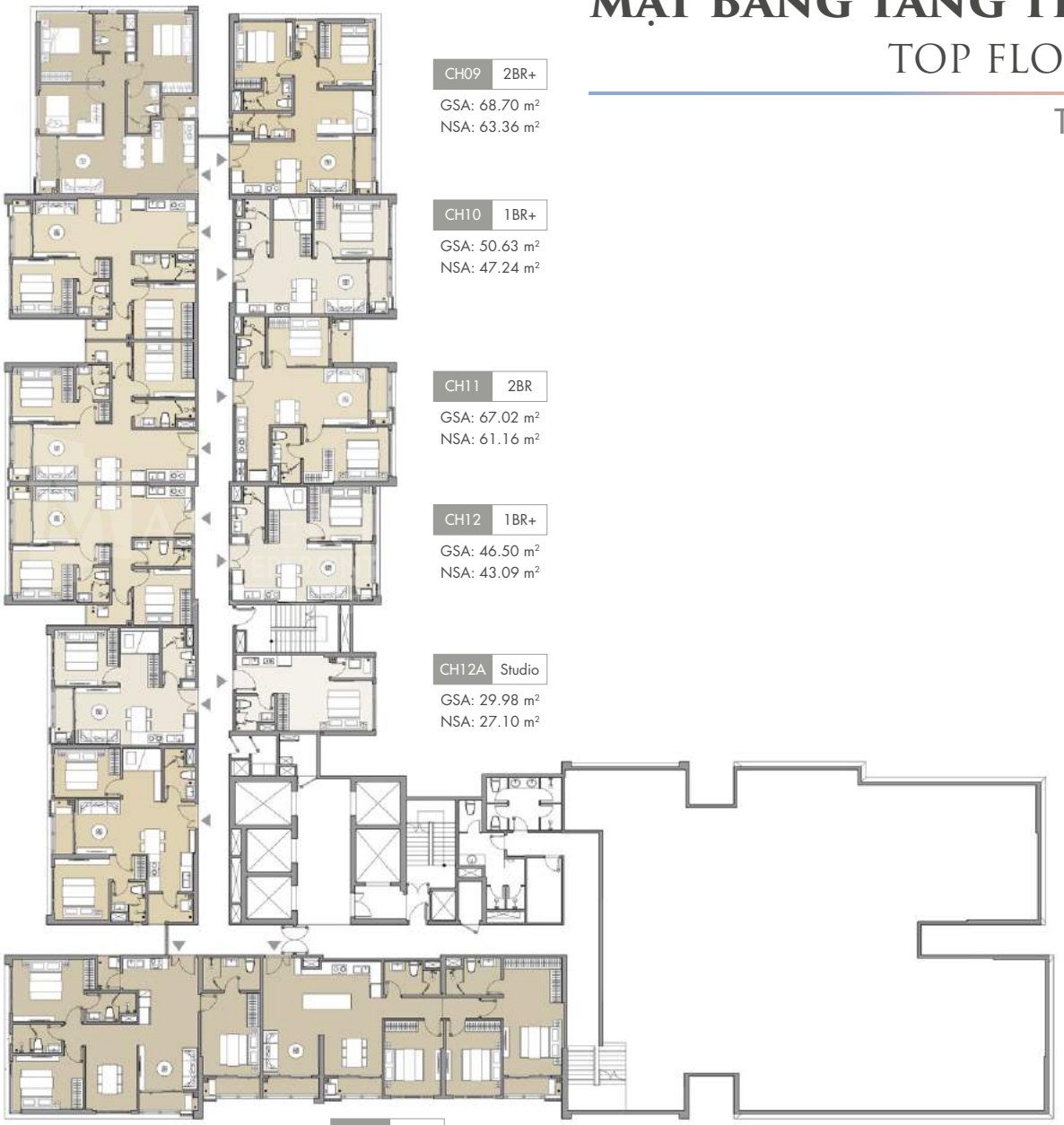

CH08 3BR
GSA: 79.77 m²
NSA: 74.66 m²

CH08A 2BR
GSA: 67.67 m²
NSA: 62.79 m²

CH06 2BR
GSA: 67.68 m²
NSA: 62.80 m²

CH05 2BR
GSA: 66.04 m²
NSA: 61.51 m²

CH05A 1BR+
GSA: 47.09 m²
NSA: 43.54 m²

CH03 2BR+
GSA: 69.24 m²
NSA: 63.23 m²

CH02 3BR
GSA: 103.68 m²
NSA: 96.99 m²

CH09 2BR+
GSA: 68.70 m²
NSA: 63.36 m²

CH10 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 47.24 m²

CH11 2BR
GSA: 67.02 m²
NSA: 61.16 m²

CH12 1BR+
GSA: 46.50 m²
NSA: 43.09 m²

CH12A Studio
GSA: 29.98 m²
NSA: 27.10 m²

CH01 3BR
GSA: 115.04 m²
NSA: 106.80 m²

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

HAWAII

MIAMI

Diện Tích Tim Tường - GSA
Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG 5 CĂN HỘ ĐIỂN HÌNH
5 TYPICAL UNIT PLANS

TOÀ M1 - H1

CĂN STUDIO

35.2m²	31.7m²	1
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

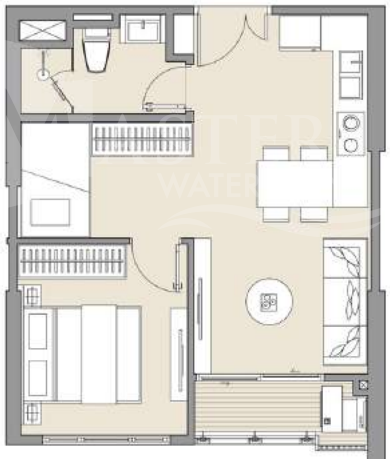

CĂN 1 PHÒNG NGỦ+ TYPE 1BR+

47.1m²	43.5m²	1+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 2 PHÒNG NGỦ TYPE 2BR

66.9m²	61.3m²	2
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

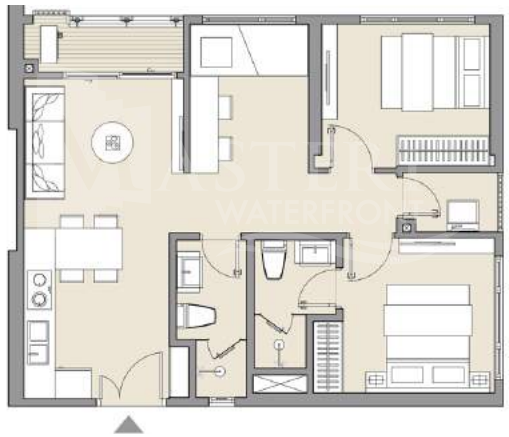

CĂN 2 PHÒNG NGỦ+
TYPE 2BR+

68.7m²	63.3m²	2+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

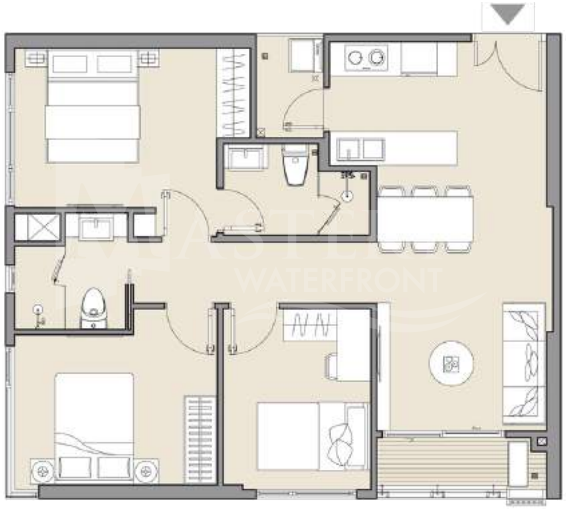

CĂN 3 PHÒNG NGỦ
TYPE 3BR

79.8m²	74.6m²	3
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

TOÀ M2

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH
TYPICAL FLOOR

HAWAII

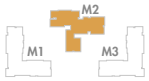

MIAMI

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

MẶT BẰNG TẦNG 1
GROUND FLOOR PLAN
TOÀ M2

TMDV 12A Cửa hàng Shop
GSA: 84.55 m²
NSA: 78.48 m²

TMDV 15A Cửa hàng Shop
GSA: 60.76 m²
NSA: 56.35 m²

TMDV 15 Cửa hàng Shop
GSA: 73.86 m²
NSA: 66.98 m²

TMDV 16 Cửa hàng Shop
GSA: 71.13 m²
NSA: 64.07 m²

TMDV 01 Cửa hàng Shop
GSA: 87.90 m²
NSA: 80.40 m²

TMDV 02 Cửa hàng Shop
GSA: 96.66 m²
NSA: 89.43 m²

TMDV 12 Cửa hàng Shop
GSA: 80.16 m²
NSA: 74.43 m²

TMDV 11 Cửa hàng Shop
GSA: 49.64 m²
NSA: 45.48 m²

TMDV 10 Cửa hàng Shop
GSA: 41.90 m²
NSA: 36.73 m²

TMDV 09 Cửa hàng Shop
GSA: 63.82 m²
NSA: 55.38 m²

TMDV 08 Cửa hàng Shop
GSA: 46.10 m²
NSA: 42.10 m²

TMDV 08A Cửa hàng Shop
GSA: 69.83 m²
NSA: 61.91 m²

TMDV 05 Cửa hàng Shop
GSA: 56.52 m²
NSA: 53.20 m²

TMDV 05A Cửa hàng Shop
GSA: 60.48 m²
NSA: 54.13 m²

TMDV 03 Cửa hàng Shop
GSA: 68.46 m²
NSA: 62.69 m²

TMDV 06 Cửa hàng Shop
GSA: 86.24 m²
NSA: 77.79 m²

HAWAII

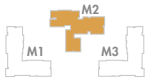

MIAMI

Diện Tích Tim Tường - GSA
Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG TẦNG 2
LEVEL 2 - FLOOR PLAN

TOÀ M2

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

HAWAII

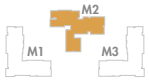

MIAMI

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

MẶT BẰNG TẦNG 20
LEVEL 20 - FLOOR PLAN
TOÀ M2

CH15A 2BR+
GSA: 69.26 m²
NSA: 63.67 m²

CH15 2BR
GSA: 64.50 m²
NSA: 60.04 m²

CH16 1BR+
GSA: 50.81 m²
NSA: 47.59 m²

CH18A 2BR+
GSA: 69.31 m²
NSA: 63.68 m²

CH01 1BR+
GSA: 45.54 m²
NSA: 41.62 m²

CH02 2BR
GSA: 67.45 m²
NSA: 62.68 m²

CH03 2BR
GSA: 67.40 m²
NSA: 62.52 m²

CH05A 3BR
GSA: 81.57 m²
NSA: 75.74 m²

CH12A 3BR
GSA: 81.61 m²
NSA: 74.87 m²

CH12 Studio
GSA: 28.78 m²
NSA: 25.77 m²

CH11 1BR+
GSA: 44.70 m²
NSA: 41.46 m²

CH10 1BR+
GSA: 46.46 m²
NSA: 43.02 m²

CH09 2BR+
GSA: 69.06 m²
NSA: 63.45 m²

CH8A 1BR+
GSA: 45.81 m²
NSA: 42.18 m²

CH08 2BR+
GSA: 69.06 m²
NSA: 63.45 m²

CH06 2BR
GSA: 64.53 m²
NSA: 59.99 m²

CH05 2BR+
GSA: 69.24 m²
NSA: 63.67 m²

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

HAWAII

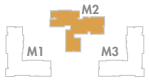

MIAMI

Diện Tích Tim Tường - GSA
Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG TẦNG 29
LEVEL 29 - FLOOR PLAN

TOÀ M2

HAWAII

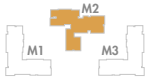

MIAMI

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

MẶT BẰNG TẦNG 30
LEVEL 30 - FLOOR PLAN
TOÀ M2

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

HAWAII

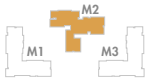

MIAMI

Diện Tích Tim Tường - GSA

Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG 5 CĂN HỘ ĐIỂN HÌNH
5 TYPICAL UNIT PLANS

TOÀ M2

CĂN STUDIO

28.8m²	25.4m²	1
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 1 PHÒNG NGỦ+ TYPE 1BR+

50.2m²	46.7m²	1+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 2 PHÒNG NGỦ TYPE 2BR

64.5m²	59.5m²	2
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 2 PHÒNG NGỦ+ TYPE 2BR+

69.3m²	63.3m²	2+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

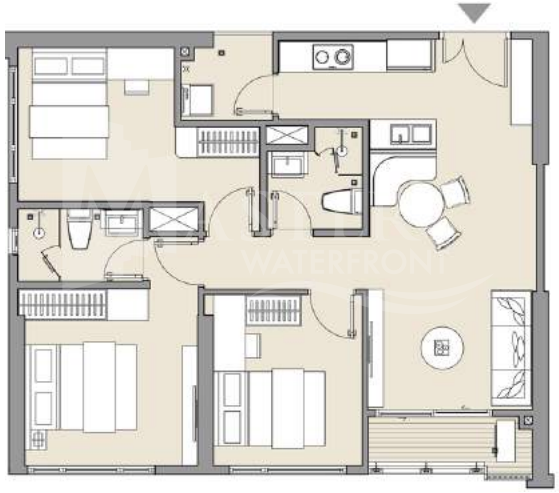

CĂN 3 PHÒNG NGỦ TYPE 3BR

81.6m²	74.4m²	3
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

Chú thích Comment	Mã màu Color					
	Mã căn Apartment	Studio	1BR+	2BR	2BR+	3BR

TOÀ H2

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH
TYPICAL FLOOR

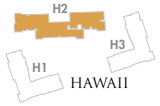

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

MẶT BẰNG TẦNG 1
GROUND FLOOR PLAN
TOÀ H2

TMDV 18	TMDV 19	TMDV 20	TMDV 21	TMDV 22
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 83.91 m²	GSA: 84.26 m²	GSA: 63.82 m²	GSA: 79.17 m²	GSA: 84.32 m²
NSA: 74.21 m²	NSA: 78.78 m²	NSA: 59.16 m²	NSA: 70.50 m²	NSA: 77.52 m²

TMDV 01	TMDV 02	TMDV 03	TMDV 05A	TMDV 05	TMDV 06
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 39.96 m²	GSA: 77.24 m²	GSA: 76.67 m²	GSA: 78.18 m²	GSA: 84.26 m²	GSA: 83.91 m²
NSA: 35.64 m²	NSA: 71.70 m²	NSA: 69.03 m²	NSA: 72.63 m²	NSA: 78.78 m²	NSA: 74.19 m²

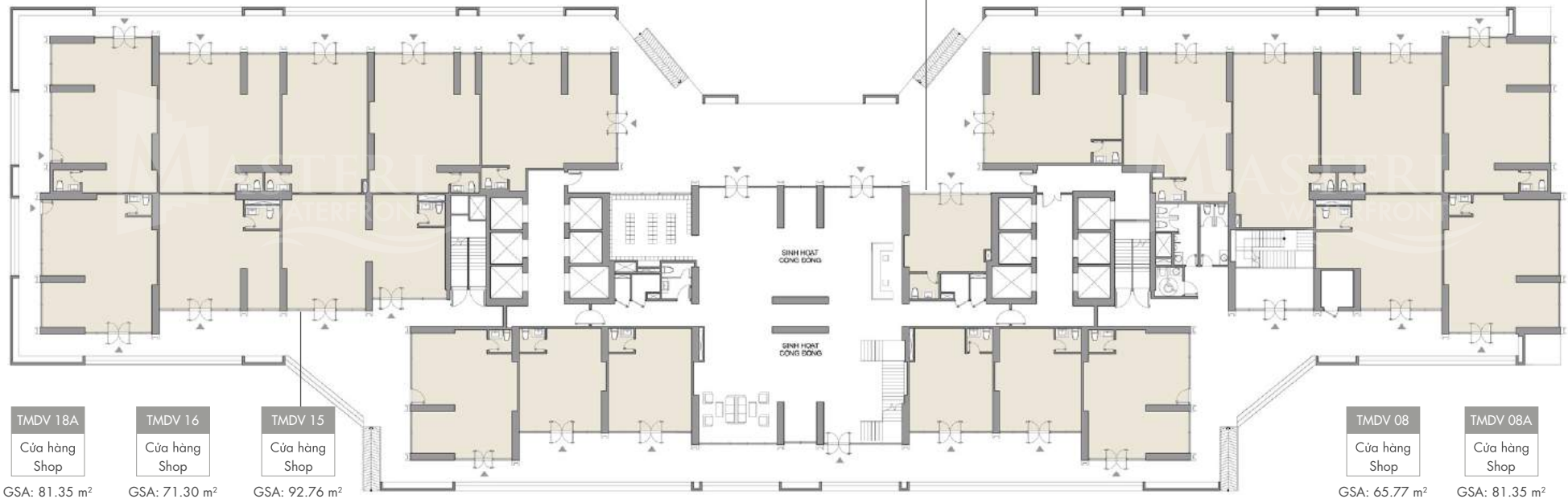

TMDV 18A	TMDV 16	TMDV 15
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 81.35 m²	GSA: 71.30 m²	GSA: 92.76 m²
NSA: 72.70 m²	NSA: 65.30 m²	NSA: 83.84 m²

TMDV 08	TMDV 08A
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 65.77 m²	GSA: 81.35 m²
NSA: 60.41 m²	NSA: 72.70 m²

TMDV 15A	TMDV 12A	TMDV 12
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 70.30 m²	GSA: 46.65 m²	GSA: 44.73 m²
NSA: 62.16 m²	NSA: 42.85 m²	NSA: 42.84 m²

TMDV 11	TMDV 10	TMDV 09
Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop	Cửa hàng Shop
GSA: 44.73 m²	GSA: 46.65 m²	GSA: 70.30 m²
NSA: 41.90 m²	NSA: 42.85 m²	NSA: 62.16 m²

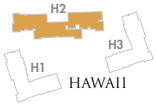

Diện Tích Tim Tường - GSA

Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

B

MẶT BẰNG TẦNG 2
LEVEL 2 - FLOOR PLAN

TOÀ H2

Chú thích Comment	Mã màu Color					
	Mã căn Apartment	Studio	1BR+	2BR	2BR+	3BR

CH10 2BR+
GSA: 70.66 m²
NSA: 64.06 m²

CH11 1BR+
GSA: 50.26 m²
NSA: 47.25 m²

CH12 2BR
GSA: 64.90 m²
NSA: 59.64 m²

CH12A 1BR+
GSA: 52.16 m²
NSA: 48.01 m²

CH15A 3BR
GSA: 86.10 m²
NSA: 79.58 m²

CH01 3BR
GSA: 86.10 m²
NSA: 79.58 m²

CH02 1BR+
GSA: 52.16 m²
NSA: 48.01 m²

CH03 2BR
GSA: 64.90 m²
NSA: 59.64 m²

CH05A 1BR+
GSA: 50.26 m²
NSA: 47.25 m²

CH05 2BR+
GSA: 70.66 m²
NSA: 64.06 m²

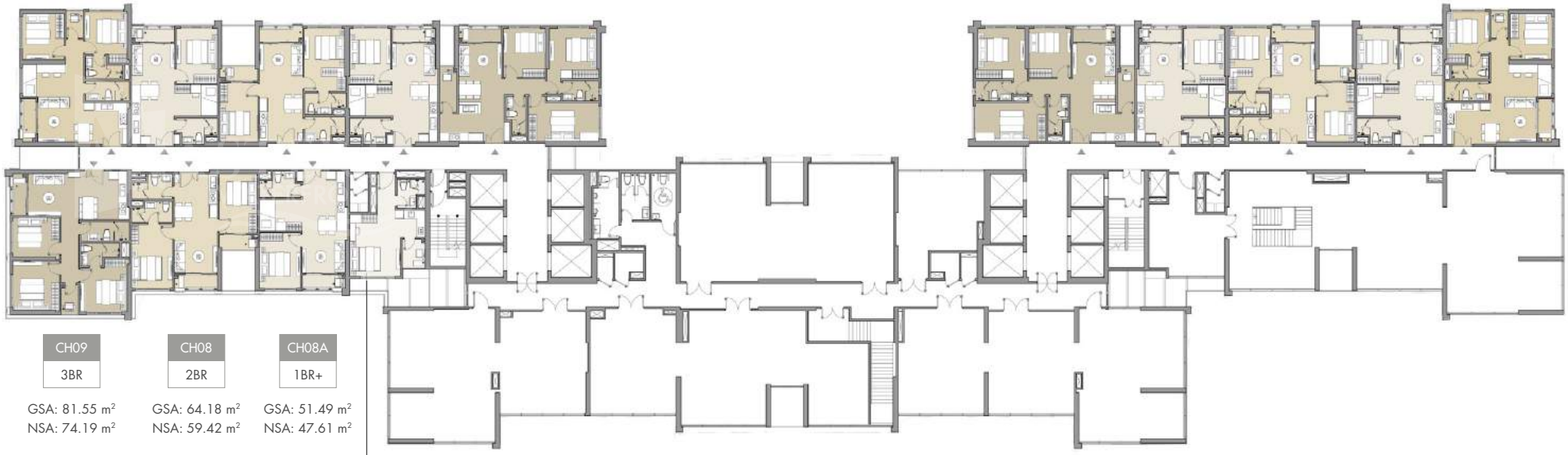

CH09 3BR
GSA: 81.55 m²
NSA: 74.19 m²

CH08 2BR
GSA: 64.18 m²
NSA: 59.42 m²

CH08A 1BR+
GSA: 51.49 m²
NSA: 47.61 m²

CH06 Studio
GSA: 31.66 m²
NSA: 28.80 m²

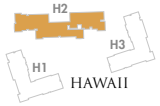

Gross Saleable Area - GSA
Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

Chú thích Comment	Mã màu Color					
	Mã căn Apartment	Studio	1BR+	2BR	2BR+	3BR

MẶT BẰNG TẦNG 20
LEVEL 20 - FLOOR PLAN

TOÀ H2

Diện Tích Tim Tường - GSA

Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

B

MẶT BẰNG TẦNG 36
LEVEL 36 - FLOOR PLAN

TOÀ H2

CH22	CH23	CH24	CH25	CH26	CH27	CH30	CH01	CH02	CH03	CH05A	CH05
2BR+	1BR+	2BR	1BR+	3BR	Studio	Studio	3BR	1BR+	2BR	1BR+	2BR+
GSA: 70.66 m² NSA: 64.87 m²	GSA: 50.26 m² NSA: 47.25 m²	GSA: 64.90 m² NSA: 60.22 m²	GSA: 52.16 m² NSA: 48.22 m²	GSA: 86.10 m² NSA: 79.83 m²	GSA: 38.18 m² NSA: 34.56 m²	GSA: 38.19 m² NSA: 35.10 m²	GSA: 86.10 m² NSA: 79.83 m²	GSA: 52.16 m² NSA: 48.22 m²	GSA: 64.90 m² NSA: 60.22 m²	GSA: 50.26 m² NSA: 47.25 m²	GSA: 70.66 m² NSA: 64.87 m²

CH28	CH29
2BR	2BR
GSA: 58.64 m² NSA: 54.15 m²	GSA: 59.27 m² NSA: 54.81 m²

CH21	CH20	CH19	CH08	CH08A	CH06
3BR	2BR	1BR+	1BR+	2BR	3BR
GSA: 81.55 m² NSA: 75.02 m²	GSA: 64.18 m² NSA: 59.61 m²	GSA: 51.49 m² NSA: 47.89 m²	GSA: 51.49 m² NSA: 47.89 m²	GSA: 64.18 m² NSA: 59.61 m²	GSA: 81.55 m² NSA: 75.02 m²

CH18	CH16	CH15A	CH12	CH10
Studio	1BR+	2BR	1BR+	4BR
GSA: 31.66 m² NSA: 28.80 m²	GSA: 44.67 m² NSA: 41.57 m²	GSA: 50.23 m² NSA: 46.87 m²	GSA: 45.87 m² NSA: 42.37 m²	GSA: 141.56 m² NSA: 129.59 m²

CH18A	CH15	CH12A	CH11	CH09
4BR	1BR+	2BR	1BR+	Studio
GSA: 141.56 m² NSA: 129.59 m²	GSA: 45.87 m² NSA: 42.37 m²	GSA: 64.77 m² NSA: 60.14 m²	GSA: 44.67 m² NSA: 41.57 m²	GSA: 30.11 m² NSA: 27.24 m²

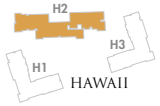

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

MẶT BẰNG TẦNG 37
LEVEL 37 - FLOOR PLAN

TOÀ H2

Chú thích Comment	Mã màu Color					
	Mã căn Apartment	Studio	1BR+	2BR	2BR+	3BR

CH15A	CH15	CH16	CH17	CH18
2BR+	1BR+	2BR	1BR+	3BR
GSA: 70.66 m² NSA: 64.87 m²	GSA: 50.26 m² NSA: 47.25 m²	GSA: 64.90 m² NSA: 60.22 m²	GSA: 52.16 m² NSA: 48.22 m²	GSA: 86.10 m² NSA: 79.83 m²

CH01	CH02	CH03	CH05A	CH05
3BR	1BR+	2BR	1BR+	2BR+
GSA: 86.10 m² NSA: 79.83 m²	GSA: 52.16 m² NSA: 48.22 m²	GSA: 64.90 m² NSA: 60.22 m²	GSA: 50.26 m² NSA: 47.25 m²	GSA: 70.66 m² NSA: 64.87 m²

CH12A	CH12	CH11
3BR	2BR	1BR+
GSA: 81.55 m² NSA: 75.02 m²	GSA: 64.18 m² NSA: 59.61 m²	GSA: 51.49 m² NSA: 47.89 m²

CH08	CH08A	CH06
1BR+	2BR	3BR
GSA: 51.49 m² NSA: 47.89 m²	GSA: 64.18 m² NSA: 59.61 m²	GSA: 81.55 m² NSA: 75.02 m²

CH10	CH09
Studio	Studio
GSA: 31.66 m² NSA: 28.80 m²	GSA: 30.11 m² NSA: 27.24 m²

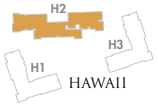

Diện Tích Tim Tường - GSA

Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MẶT BẰNG 5 CĂN HỘ ĐIỂN HÌNH
5 TYPICAL UNIT PLANS

TOÀ H2

CĂN STUDIO

31.7m²	28.8m²	1
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

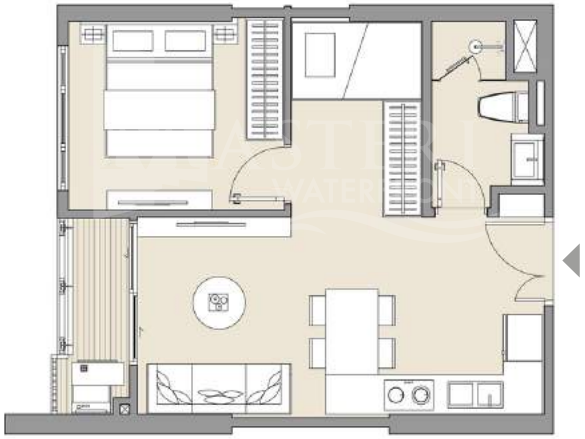

CĂN 1 PHÒNG NGỦ+ TYPE 1BR+

52.2m²	48.0m²	1+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 2 PHÒNG NGỦ TYPE 2BR

64.2m²	59.4m²	2
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

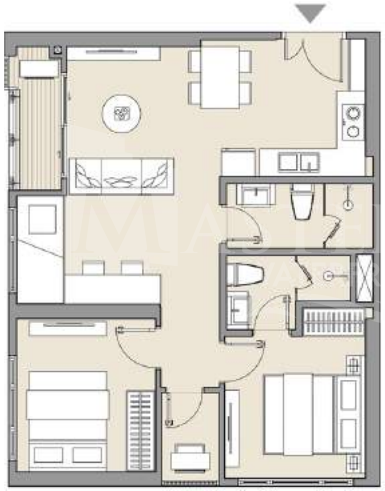

CĂN 2 PHÒNG NGỦ+ TYPE 2BR+

70.7m²	64.2m²	2+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

CĂN 3 PHÒNG NGỦ TYPE 3BR

86.1m²	79.6m²	3
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

TOÀ M3-H3

MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH
TYPICAL FLOOR

CH05 2BR+
GSA: 68.70 m²
NSA: 63.32 m²

CH05A 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 46.93 m²

CH03 2BR
GSA: 67.02 m²
NSA: 60.96 m²

CH01 Studio
GSA: 29.98 m²
NSA: 27.10 m²

CH02 1BR+
GSA: 46.50 m²
NSA: 43.09 m²

CH19 2BR+
GSA: 68.69 m²
NSA: 63.29 m²

CH20 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 46.94 m²

CH21 2BR
GSA: 66.88 m²
NSA: 61.27 m²

CH22 Studio
GSA: 35.18 m²
NSA: 31.74 m²

CH06 3BR
GSA: 79.77 m²
NSA: 74.55 m²

CH08A 2BR
GSA: 67.67 m²
NSA: 62.63 m²

CH08 2BR
GSA: 67.68 m²
NSA: 62.68 m²

CH09 2BR
GSA: 66.04 m²
NSA: 61.51 m²

CH10 1BR+
GSA: 47.09 m²
NSA: 43.54 m²

CH11 2BR+
GSA: 69.24 m²
NSA: 63.23 m²

CH12 3BR
GSA: 80.64 m²
NSA: 74.93 m²

CH18 3BR
GSA: 80.06 m²
NSA: 73.89 m²

CH18A 2BR
GSA: 59.76 m²
NSA: 55.14 m²

CH16 2BR
GSA: 59.61 m²
NSA: 54.59 m²

CH15 1BR+
GSA: 46.31 m²
NSA: 42.96 m²

CH15A 1BR+
GSA: 45.25 m²
NSA: 42.02 m²

CH12A 1BR+
GSA: 45.90 m²
NSA: 42.77 m²

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

B

MẶT BẰNG TẦNG 1
GROUND FLOOR PLAN
TOÀ M3 - H3

HAWAII

MIAMI

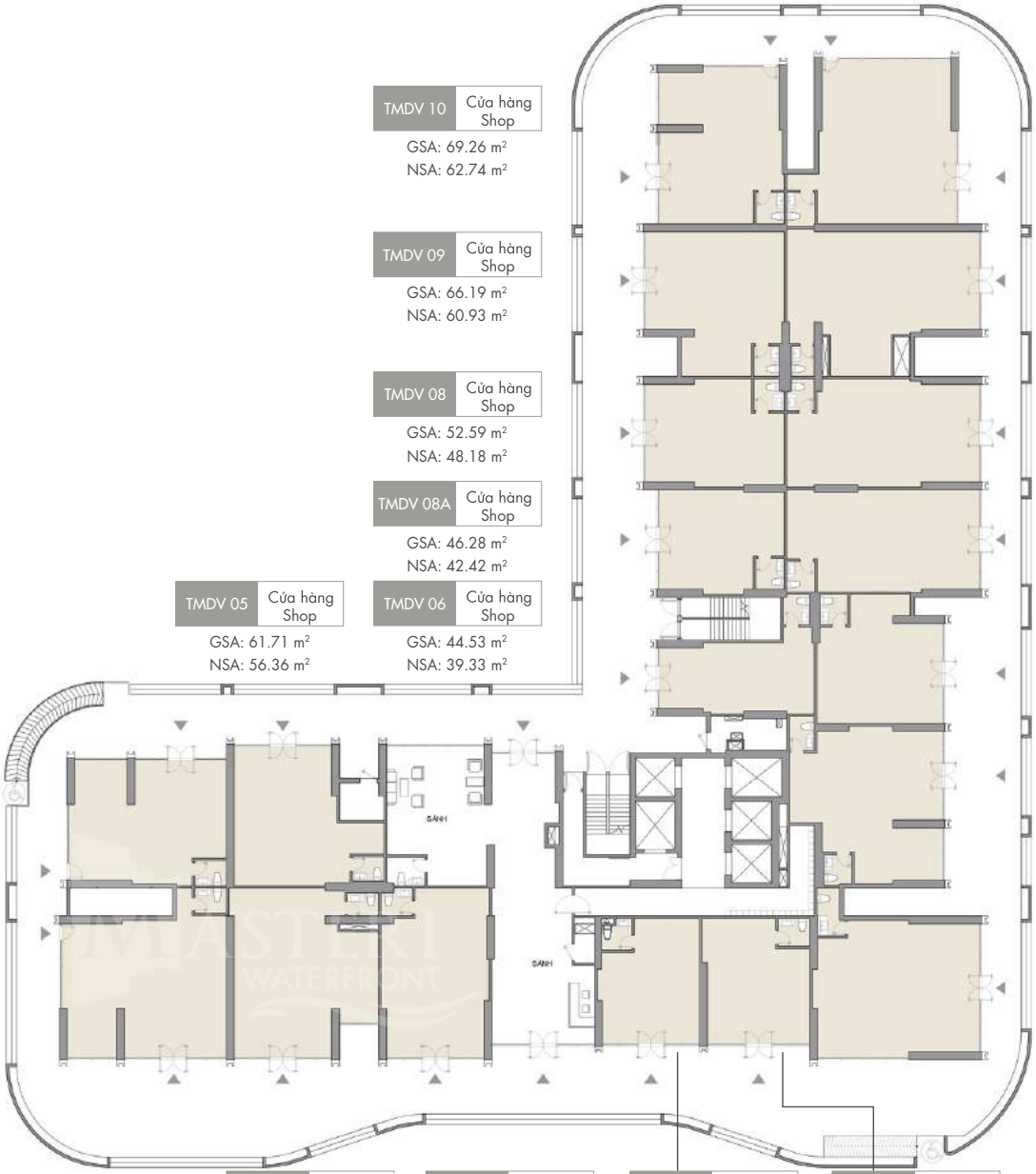

TMDV 10 Cửa hàng Shop
GSA: 69.26 m²
NSA: 62.74 m²

TMDV 09 Cửa hàng Shop
GSA: 66.19 m²
NSA: 60.93 m²

TMDV 08 Cửa hàng Shop
GSA: 52.59 m²
NSA: 48.18 m²

TMDV 08A Cửa hàng Shop
GSA: 46.28 m²
NSA: 42.42 m²

TMDV 05 Cửa hàng Shop
GSA: 61.71 m²
NSA: 56.36 m²

TMDV 06 Cửa hàng Shop
GSA: 44.53 m²
NSA: 39.33 m²

TMDV 05A Cửa hàng Shop
GSA: 69.27 m²
NSA: 62.71 m²

TMDV 03 Cửa hàng Shop
GSA: 85.67 m²
NSA: 78.23 m²

TMDV 02 Cửa hàng Shop
GSA: 81.28 m²
NSA: 73.47 m²

TMDV 01 Cửa hàng Shop
GSA: 63.75 m²
NSA: 58.64 m²

TMDV 19 Cửa hàng Shop
GSA: 45.17 m²
NSA: 41.39 m²

TMDV 18 Cửa hàng Shop
GSA: 47.39 m²
NSA: 43.99 m²

TMDV 11 Cửa hàng Shop
GSA: 85.71 m²
NSA: 79.10 m²

TMDV 12 Cửa hàng Shop
GSA: 85.99 m²
NSA: 77.34 m²

TMDV 12A Cửa hàng Shop
GSA: 72.40 m²
NSA: 66.86 m²

TMDV 15A Cửa hàng Shop
GSA: 68.79 m²
NSA: 65.46 m²

TMDV 15 Cửa hàng Shop
GSA: 53.71 m²
NSA: 50.13 m²

TMDV 16 Cửa hàng Shop
GSA: 79.69 m²
NSA: 71.65 m²

TMDV 18A Cửa hàng Shop
GSA: 82.63 m²
NSA: 75.26 m²

Diện Tích Tim Tường - GSA
Diện Tích Thông Thuỷ - NSA

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

B

MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG
TOP FLOOR PLAN

TOÀ M3 - H3

HAWAII

MIAMI

CH05 2BR+
GSA: 68.70 m²
NSA: 63.36 m²

CH05A 1BR+
GSA: 50.63 m²
NSA: 47.24 m²

CH03 2BR
GSA: 67.02 m²
NSA: 61.16 m²

CH02 1BR+
GSA: 46.50 m²
NSA: 43.09 m²

CH01 Studio
GSA: 29.98 m²
NSA: 27.10 m²

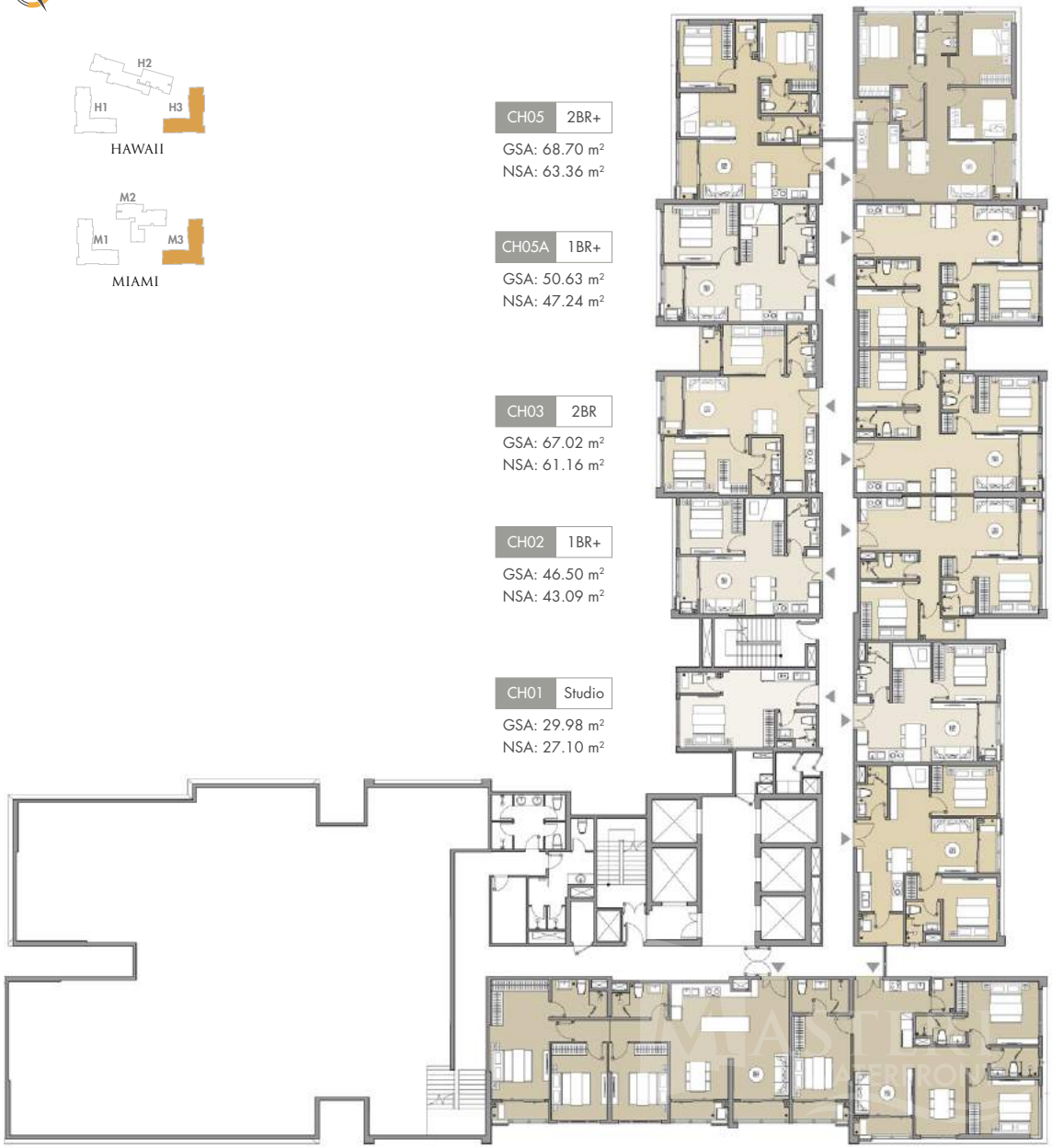

CH06 3BR
GSA: 79.77 m²
NSA: 74.66 m²

CH08A 2BR
GSA: 67.67 m²
NSA: 62.79 m²

CH08 2BR
GSA: 67.68 m²
NSA: 62.80 m²

CH09 2BR
GSA: 66.04 m²
NSA: 61.51 m²

CH10 1BR+
GSA: 47.09 m²
NSA: 43.54 m²

CH11 2BR+
GSA: 69.24 m²
NSA: 63.23 m²

CH12 3BR
GSA: 103.68 m²
NSA: 96.99 m²

CH12A 3BR
GSA: 115.04 m²
NSA: 106.80 m²

Chú thích Comment	
Mã màu Color	Mã căn Apartment
	Studio
	1BR+
	2BR
	2BR+
	3BR

Gross Saleable Area - GSA

Net Saleable Area - NSA

Disclaimer: Whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities. Name and code of unit in this document are for advertisement. The official name and code of unit will be as per the Sales and Purchase Agreement.

MẶT BẰNG 5 CĂN HỘ ĐIỂN HÌNH
5 TYPICAL UNIT PLANS

TOÀ M3 - H3

Căn Studio

35.2m²	31.7m²	1
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Căn 1 phòng ngủ+ Type 1BR+

47.1m²	43.5m²	1+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Căn 2 phòng ngủ Type 2BR

67.0m²	61.0m²	2
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Căn 2 phòng ngủ+ Type 2BR+

68.7m²	63.3m²	2+
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

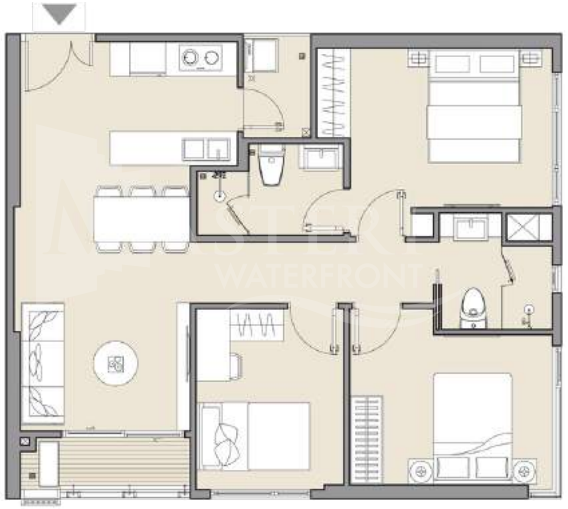

Căn 3 phòng ngủ Type 3BR

79.8m²	74.6m²	3
DT TIM TƯỜNG GROSS SELLABLE AREA	DT THÔNG THUỶ NET SELLABLE AREA	PHÒNG NGỦ BED ROOM

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng. Tên căn hộ và ký hiệu căn hộ cho mục đích giới thiệu, tên căn hộ và ký hiệu căn hộ chính thức sẽ được ghi nhận tại Hợp Đồng Mua Bán.

MASTERISE HOMES

WORLD-CLASS PARTNERSHIPS:

TANGE ASSOCIATES studio hba BELT COLLINS

Địa chỉ nhà mẫu: Tầng 1, Tower 2, Times City, 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội | Địa chỉ dự án: Đại Đô Thị Ocean Park, Dương Xá, Kiêu Kỵ, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội

Sales Gallery: Floor 1, Tower 2, Times City, 458 Minh Khai, Hai Ba Trung, Hanoi | Project Address: Ocean Park, Duong Xa, Kieu Ky, Da Ton Commune, Gia Lam District, Hanoi

masterisehomes.com/masteri-waterfront 0828 159 159 Sales@masterisehomes.com facebook.com/OfficialMasteriWaterfront

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

DISCLAIMER: All information contained herein is subject to changes without notification as may be required by the relevant authorities and cannot form part of an offer or contract. Whilst every care has been taken in providing this information, the owner, developer and managers cannot be held liable for variations. All illustrations and pictures are artist impressions only. The items are subject to variation, modifications and substitutions as may be recommended by the relevant Approving Authorities.